TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2018/HS-ST

Ngày: 29/5/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng.

*Các Hội thẩm nhân dâ*n:

1. Bà Thiều Thị Phi Loan

2. Bà Nguyễn Thị Kim Yến

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Đỗ Thị Huyền – Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Duy Sỹ – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 131/2018/TLST-HSST ngày 24 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2018/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Long Đ**. Tên gọi khác: ĐL. Giới tính: Nam.

Sinh ngày: 13 tháng 02 năm 2000. Tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: 25C/6B, khu phố 6, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 04/12; Chức vụ đoàn thể, đảng phái: Không.

Con ông Nguyễn Chí D, sinh năm 1973 và bà Phạm Thị Kim L, sinh năm 1975. Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai và chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt khẩn cấp và bị tạm giữ từ ngày 15/10/2017 đến ngày 24/10/2017 thì được hủy bỏ tạm giữ và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Ngày 25/5/2018, bị cáo bị bắt tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an TP. Biên Hòa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Đình L**. Tên gọi khác: LT. Giới tính; Nam.

Sinh năm 1984. Tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi đăng ký HKTT: 21/6B, khu phố 6, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: 113/31/4, khu phố 6, phường T, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Nghề nghiệp: Cơ khí; Trình độ học vấn: 11/12. Chức vụ đoàn thể, đảng phái: Không.

Con ông Nguyễn Đình M, sinh năm 1934 (đã chết) và bà Trần Thị S, sinh năm 1938 (chết). Bị cáo là con duy nhất trong gia đình, có vợ là Đào Thị Thu T, sinh năm 1987 và có hai con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2008.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc tại tại xã Xuân Phú, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai từ ngày 26/10/2017, thời hạn là 12 tháng (Theo quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 76/QĐ-TA ngày 26/12/2017 của Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai). Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:*

1. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1978;

Nơi cư trú: 217/6, khu phố 6, phường T, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

2. Ông Trần Văn H, sinh năm 1974;

Nơi cư trú: Tổ 23, Ấp H, xã P, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

- *Bị đơn dân sự:* Ông Nguyễn Chí D, sinh năm 1973 và bà Phạm Thị Kim L sinh năm 1975 – Là cha và mẹ của bị cáo Nguyễn Long Đ;

Nơi đăng ký HKTT: 25C/6B, khu phố 6, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Hiện đang tạm trú tại: Tổ 10, khu phố 10, phường H, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Bà L có mặt, ông D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Long Đ là đối tượng không có nghề nghiệp, để có tiền tiêu xài, Đ đã cùng đồng bọn 02 lần thực hiện hành vi phạm tội. Cụ thể như sau:

- Lần thứ 1: Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 22/08/2017, tại khu phố 5A, phường T, TP Biên Hòa, Nguyễn Long Đ cùng đồng bọn là Hoàng Đình L, T đen (chưa rõ họ, địa chỉ) đang chơi trong nghĩa địa phật giáo thuộc khu phố 6, phường T thì phát hiện anh Trần Văn H có để một chiếc xe mô tô Wave RSX biển số 60F1- 443.78, chìa khóa vẫn cắm ở ổ điện trên xe, không có người trông coi, nên Đ cùng đồng bọn đã trộm cắp chiếc xe trên rồi đem bán cho Nguyễn Đình L hay

còn gọi là (LT), sinh năm 1984, ngụ tại 21/6B, khu phố 6, phường T, TP Biên Hòa với giá 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Khi mua bán xe, L thấy xe không có giấy tờ nên hỏi nguồn gốc chiếc xe trên thì Đ nói là xe Đ cùng đồng bọn trộm cắp được, tuy nhiên do hám lợi nên L biết mà vẫn mua với giá 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) và sau đó L bán xe cho đối tượng nam thanh niên không rõ họ tên, địa chỉ được 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Đến ngày 29/01/2018 thì L bị khởi tố, xử lý.

Vật chứng vụ án 01 (một) xe mô tô biển số 60F1-443.78, nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ đen, số máy 0005081, số khung 005017, Nguyễn Đình L đã bán cho một đối tượng không rõ họ tên, địa chỉ nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không thu hồi được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 309/TCKH-HĐĐG ngày 02/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Biên Hòa đã kết luận: "01 (một) xe mô tô biển số 60F1-443.78, nhãn hiệu Hon da Wave RSX màu đỏ đen, số máy 0005081, số khung 005017 có tổng giá trị tài sản định giá là 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần Văn H yêu cầu các đối tượng bồi thường 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng).

- Lần thứ 2: Vào khoảng 03 giờ ngày 15/10/2017, Đ rủ Đào Đức H, sinh ngày 02/12/2002, ngụ tại thôn T, xã T, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam là đối tượng sống lang thang đi trộm cắp tài sản thì H đồng ý. Đ và H đi bộ đến xưởng mộc nhà số 227/6, khu phố 6, phường T, TP. Biên Hòa do anh Phạm Văn T làm chủ thì nhìn vào thấy có nhiều xe mô tô ở bên trong nhà. Đ nói H đứng ở ngoài cảnh giới, còn Đ gỡ hàng rào lưới B40 đột nhập vào trong trộm cắp chiếc xe mô tô Yamaha Sirius biển số: 60B7-393.16 của anh Phạm Văn T dắt ra ngoài. Do không có chìa khoá nên Đ và H đã dùng tô vít (Đ nhặt tại phía ngoài hàng rào nhà người phụ nữ tên T, sống gần nghĩa trang Biên Hòa) và dao (do Đ nhặt được trong nghĩa trang) để phá ổ khóa, cắt dây điện để nổ máy nhưng không được nên cả hai dắt xe vào trong nghĩa trang Biên Hòa cất giấu. Đến khoảng 06 giờ 45 phút ngày 15/10/2017, Đ và H dắt xe mô tô trên đi tiêu thụ, khi đi đến tổ 20, khu phố 8A, phường L, TP. Biên Hòa thì bị các anh Nguyễn Văn H và Lê Đình H, cùng ngụ tại khu phố 8A, phường L phát hiện bắt giữ giao Công an phường T lập hồ sơ chuyển Công an thành phố Biên Hòa điều tra, xử lý.

Vật chứng vụ án gồm:

- 01 (một) xe mô tô biển số 60B7-393.16, nhãn hiệu Yamaha Sirius, số máy 199417, số khung 199399, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã trả lại cho anh T là chủ sở hữu.

- 01 (một) tô vít có cán nhựa dài 25 cm hiện đang tạm giữ;

- 01 (một) con dao bị can Đ khai nhận cất giấu trong túi quần nhưng do trong quá trình bỏ chạy đã bị rơi mất nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 293/TCKH-HĐĐG ngày 17/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Biên Hòa đã kết luận: "01 (một) xe mô tô

biển số 60B7-39316, nhãn hiệu Yamaha Sirius, số máy 199417, số khung 199399 có tổng giá trị tài sản định giá là 15.300.000 đồng (Mười lăm triệu ba trăm nghìn đồng)".

Về trách nhiệm dân sự: Anh Phạm Văn T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường.

Tại cáo trạng số 137/CT/VKS-HS ngày 18 tháng 4 năm 2018, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo Nguyễn Long Đ về tội: "Trộm cắp tài sản", theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; truy tố bị cáo Nguyễn Đình L về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", theo quy định tại khoản 1, Điều 250 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội nêu tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo theo điều, khoản và tội danh nêu trên; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như sau:

Đối với bị cáo Nguyễn Long Đ có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội nhiều lần" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã thu hồi lại một phần tài sản trả lại cho người bị hại, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Đối với bị cáo Nguyễn Đình L, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có các tình tiết giảm nhẹ như sau: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Long Đ từ 06 đến 08 tháng tù;

Bị cáo Nguyễn Đình L từ 08 đến 10 tháng tù.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Long Đ và bị cáo Nguyễn Đình L không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì đối với lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng bị cáo Nguyễn Long Đ và bị cáo Nguyễn Đình L đã nhận thức rõ về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt mức thấp nhất cho bị cáo.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TP. Biên Hòa, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ cơ sở xác định nội dung vụ án như sau:

Lần 1: Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 22/08/2017, tại khu phố 5A, phường T, TP Biên Hòa, bị cáo Nguyễn Long Đ cùng với các đối tượng Hoàng Đình L và T Đen (không rõ họ, địa chỉ) đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của anh Trần Văn H một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX biển số 60F1- 443.78, được Hội đồng định giá tài sản thành phố Biên Hòa đã kết luận có giá trị là 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng). Sau khi trộm cắp được, bị cáo đem bán chiếc xe trên cho Nguyễn Đình L với giá 2.000.000 (Hai triệu đồng). Mặc dù biết rõ chiếc xe do Đ phạm tội mà có nhưng L vẫn đồng ý mua và sau đó L bán lại chiếc xe trên cho đối tượng nam thanh niên không rõ họ tên, địa chỉ được 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), thu lợi bất chính số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Lần 2: Vào khoảng 03 giờ ngày 15/10/2017, tại khu phố 6, phường T, thành phố Biên Hòa, Đ và Đào Đức H, sinh ngày 02/12/2002 đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của anh Phạm Văn T một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 60B7-393.16, được Hội đồng định giá tài sản thành phố Biên Hòa đã kết luận có giá trị là 15.300.000 đồng (Mười lăm triệu, ba trăm nghìn đồng) thì bị phát hiện xử lý.

[3] Về tội danh:

Qua nội dung vụ án, xét thấy lợi dụng việc sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, bị cáo Nguyễn Long Đ đã hai lần cùng với các đối tượng Hoàng Đình L, T Đen (không rõ họ, địa chỉ) và Đào Đức H, sinh ngày 02/12/2002, có hành vi lén lút chiếm đoạt của anh Trần Văn H một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX biển số 60F1- 443.78 và chiếm đoạt của anh Phạm Văn T một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 60B7-393.16. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo đã hai lần chiếm đoạt là 29.300.000 đồng (Hai mươi chín triệu, ba trăm nghìn đồng).

Đối với bị cáo Nguyễn Đình L, mặc dù không hứa hẹn trước và bị cáo đã biết rõ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX biển số 60F1- 443.78 là do bị cáo Đ trộm cắp mà có, nhưng vì mục đích hám lợi mà bị cáo vẫn mua với giá 2.000.000

đồng (Hai triệu đồng). Sau đó L bán lại chiếc xe trên cho đối tượng nam thanh niên không rõ họ tên, địa chỉ với giá 3.000.000đồng (Ba triệu đồng) để thu lợi bất chính số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Long Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; hành vi của bị cáo Nguyễn Đình L đủ yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, như nội dung cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân thành phố Biên Hòa đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của mình.

[4] Vai trò đồng phạm và tính chất, mức độ hành vi:

Xét thấy, vụ án có tính đồng phạm giải đơn, không có tổ chức.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây bất bình cho quần chúng nhân dân. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào tính chất mức độ tội phạm mà các bị cáo đã thực hiện, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của từng bị cáo và vận dụng Điều 53 Bộ luật Hình sự 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009, để có mức hình phạt tương xứng, đủ để giáo dục cải tạo đối với các bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Nguyễn Long Đ đã hai lần thực hiện hành vi phạm tội, nên bị cáo phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội nhiều lần" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Bị cáo Nguyễn Đình L không có tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Nguyễn Long Đ: Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thì bị cáo chưa đủ 18 tuổi, nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế; bị cáo có nhân thân tốt, thể hiện chưa có tiền án tiền sự; đã thu hồi lại một phần tài sản trả cho người bị hại. Nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p, h khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xét thấy, tại thời điểm bị cáo Nguyễn Long Đ thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo chưa đủ 18 tuổi. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cần căn cứ Điều 69, Điều 74 của Bộ luật Hình sự 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Đình L: Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có nhân thân tốt, thể hiện chưa có tiền án tiền sự. Nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p, h khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng trong vụ án:

- Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 60B7-393.16, nhãn hiệu Yamaha Sirius, số máy 199417, số khung 199399, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Phạm Văn T, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Đối với 01 (một) tô vít có cán nhựa dài 25 cm, là công cụ thực hiện hành vi phạm tội. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015), cần tịch thu tiêu hủy.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 27/02/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa).

- 01 (một) con dao bị cáo Đ khai nhận cất giấu trong túi quần nhưng do trong quá trình bỏ chạy đã bị rơi mất nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

- 01 (một) xe mô tô biển số 60F1-443.78, nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ đen, số máy 0005081, số khung 005017, Nguyễn Đình L đã bán cho một đối tượng không rõ họ tên, địa chỉ nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không thu hồi được.

- Về số tiền thu lợi bất chính 1.000.000đ của bị cáo Lâm. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, cần buộc bị cáo L phải giao nộp lại số tiền này để sung vào ngân sách nhà nước.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với chiếc xe mô tô biển số 60F1-443.78, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không thu hồi được, ông Trần Văn H yêu cầu bị cáo Đ phải bồi thường giá trị của chiếc xe là 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) theo giá đã được Hội đồng định giá tài sản thành phố Biên Hòa đã kết luận, tại phiên tòa bị cáo Đạt đồng ý bồi thường số tiền trên cho ông Hiếu.

Căn cứ khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 589 Bộ luật dân sự 2015. Buộc bị cáo Nguyễn Long Đ có nghĩa vụ phải bồi thường cho ông Trần Văn H số tiền 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng). Trường hợp bị cáo Nguyễn Long Đ không đủ tài sản của mình để bồi thường thì cha, mẹ bị cáo (là ông Nguyễn Chí D và bà Phạm Thị Kim L) phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình cho ông Trần Văn H, theo quy định tại khoản 2 Điều 586 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (Do tại thời điểm bị cáo Nguyễn Long Đ thực hiện hành vi phạm tội (ngày 22/8/2017), bị cáo Đ chưa đủ 18 tuổi.

[9] Đối với Đào Đức H, sinh ngày 02/12/2002, tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản (ngày 15/10/2017), H mới chỉ 14 tuổi 10 tháng 13 ngày, chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan điều tra không xử lý hình sự là đúng theo quy định của pháp luật.

[10] Đối với Hoàng Đình L và T đen (chưa rõ lai lịch), Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục điều tra xác minh xử lý sau.

[11] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án. Ngoài ra bị cáo Đạt còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Đối với phần trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa tại phiên tòa, xét thấy tương đối phù hợp với những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định về vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

- Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Long Đ** phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Đình L** phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

2**.** Về hình phạt:

2.1**.** Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p, h khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 53; Điều 69, Điều 74 của Bộ luật Hình sự 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội**.**

Xử phạt: **Nguyễn Long Đ 10 (Mười) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 25/5/2018 (thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/10/2017 đến ngày 24/10/2017) được trừ vào thời gian chấp hành án.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm p, h khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 53 của Bộ luật Hình sự 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội

Xử phạt: **Nguyễn Đình L 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Căn cứ Điều 117 Luật xử lý vi phạm hành chính, thời gian bị cáo chấp hành hình phạt tù được trừ vào thời gian cai nghiện bắt buộc tại quyết định số 76/QĐ-TA ngày 26/12/2017 của Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3. Về xử lý vật chứng trong vụ án:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu tiêu hủy**:** 01 (một) tô vít có cán nhựa dài 25cm là công cụ thực hiện hành vi phạm tội (Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 27/02/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa).

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Buộc bị cáo Nguyễn Đình L phải giao nộp lại số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

4. Về trách nhiệm dân sự:

- Áp dụng khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Nguyễn Long Đ có nghĩa vụ phải bồi thường cho ông Trần Văn H số tiền là 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng). Trường hợp bị cáo Nguyễn Long Đ không đủ tài sản của mình để bồi thường thì cha, mẹ bị cáo (là ông Nguyễn Chí D và bà Phạm Thị Kim L) phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình cho ông Trần Văn H.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Long Đ phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và phải nộp 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn Đình L phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Các bị cáo Nguyễn Long Đ, Nguyễn Đình L; người bị hại ông Trần Văn H, bị đơn dân sự bà Phạm Thị Kim L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại ông Phạm Văn T và bị đơn dân sự ông Nguyễn Chí D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

7. Về việc thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người

được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Văn Hùng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP Biên Hòa;
- Thi hành án hình sự;
- Trại giam TP Biên Hòa;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.